HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2023/NQ-HĐND	*Bình Thuận, ngày 06 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHOÁ XI, KỲ HỌP THỨ 19

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét Tờ trình số 4713/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 158/BC-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo

Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 2 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 2 như sau:

"a) Định mức phân bổ đã bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách do Trung ương và địa phương ban hành (trừ những trường hợp có quy định riêng ngoài định mức kinh phí hoạt động) và các khoản chi phí thường xuyên đảm bảo cho hoạt động của cơ quan, đơn vị thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao. Định mức phân bổ theo số biên chế được giao theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền, trong đó đã bao gồm kinh phí hoạt động của hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Định mức phân bổ đã bao gồm các khoản tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương hoặc tiết kiệm để thực hiện các nhiệm vụ khác theo quyết định điều hành hàng năm của Bộ Tài chính (nếu có).".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 2 như sau:

"a) Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) theo quy định hiện hành của số biên chế được cấp có thẩm quyền giao; kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP theo số hợp đồng được cấp có thẩm quyền quyết định. Số hợp đồng ngoài số được cấp có thẩm quyền giao các cơ quan, đơn vị tự cân đối trong nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định pháp luật."

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

"2. Tiêu chí số học sinh, sinh viên của Trường Cao đẳng Bình Thuận được cấp có thẩm quyền phê duyệt.".

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

"**Điều 4. Định mức phân bổ dự toán chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể cấp tỉnh**

1. Cơ quan Đảng, các Hội, đoàn thể được giao biên chế; cơ quan cấp sở, ban, ngành và tương đương:

Từ 30 biên chế trở xuống: 36 triệu đồng/biên chế.

Từ biên chế thứ 31 trở lên: 34 triệu đồng/biên chế.

2. Cơ quan, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể: 34 triệu đồng/biên chế.".

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 5 như sau:

"1. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục:

a) Áp dụng định mức tính theo từng bậc lớp học của các Trường. Số lớp học của các Trường được chia thành 03 bậc khác nhau với quy mô số lớp học của bậc đầu tiên là từ 20 lớp trở xuống, bậc thứ hai là từ lớp thứ 21 đến lớp thứ 40 và bậc thứ ba là từ lớp thứ 41 trở lên. Định mức phân bổ ngân sách giảm dần theo các bậc lớp học, cụ thể:

Từ 20 lớp trở xuống: 22 triệu đồng/lớp.

Từ lớp thứ 21 đến lớp thứ 40: 20,5 triệu đồng/lớp.

Từ lớp thứ 41 trở lên: 18,5 triệu đồng/lớp.".

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

"**Điều 6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề**

1. Trường Cao đẳng Bình Thuận định mức phân bổ theo số học sinh, sinh viên, cụ thể như sau:

a) Trình độ Cao đẳng nhóm ngành, nghề đào tạo sức khỏe: 3,6 triệu đồng/sinh viên/năm.

b) Trình độ Cao đẳng nhóm ngành, nghề đào tạo khác: 3 triệu đồng/sinh viên/năm.

c) Trình độ Trung cấp nhóm ngành, nghề đào tạo sức khỏe: 3,2 triệu đồng/học sinh/năm.

d) Trình độ Trung cấp nhóm ngành, nghề đào tạo khác: 2,7 triệu đồng/học sinh/năm.

Định mức nêu trên tính theo kế hoạch đào tạo, quyết toán theo số học sinh, sinh viên thực tế đào tạo (theo số học sinh, sinh viên có mặt đầu học kỳ) trong phạm vi kế hoạch được giao.

2. Đối với Trường Chính trị tỉnh, định mức phân bổ theo số biên chế là 35 triệu đồng/biên chế/năm.

3. Đối với Trung tâm Đào tạo, huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao tỉnh, định mức phân bổ theo số biên chế là 26 triệu đồng/biên chế/năm.".

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

"**Điều 7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế**

1. Đối với các đơn vị làm nhiệm vụ khám, chữa bệnh (bộ phận chưa kết cấu vào giá; trừ các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên, bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư); các đơn vị làm nhiệm vụ cung cấp dịch vụ y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe, dân số, an toàn thực phẩm: Định mức chi hoạt động là 26 triệu đồng/biên chế; riêng đối với huyện Phú Quý là 31 triệu đồng/biên chế.

2. Đối với trạm y tế xã, phường, thị trấn: Định mức chi hoạt động là 14 triệu đồng/biên chế; riêng đối với huyện Phú Quý là 21 triệu đồng/biên chế.

3. Đối với Trung tâm y tế đa chức năng: Định mức chi hoạt động của từng bộ phận theo định mức quy định tại khoản 1 và khoản 2 nêu trên.

4. Định mức nêu trên là cơ sở để các đơn vị xây dựng dự toán chi hoạt động thường xuyên. Sau khi cân đối nguồn thu, ngân sách hỗ trợ chênh lệch thiếu theo lộ trình, cơ chế tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập và quyết định giao quyền tự chủ tài chính được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Đối với các đơn vị có nguồn thu thấp, ngân sách xem xét hỗ trợ để bảo đảm chi con người và chi hoạt động thường xuyên của đơn vị.".

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

"Điều 8. Định mức phân bổ chi đối với các sự nghiệp khác

Định mức chi hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập là 26 triệu đồng/biên chế/năm. Định mức trên là cơ sở để xây dựng dự toán chi thường xuyên; ngân sách hỗ trợ kinh phí hàng năm theo quyết định giao tự chủ tài chính của giai đoạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo nguyên tắc giảm dần hỗ trợ từ ngân sách.".

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:

"1. Định mức phân bổ chi hoạt động, phân bổ theo tiêu chí người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập:

Đơn vị: Triệu đồng/biên chế/năm.

Huyện, thị xã, thành phố	Định mức phân bổ
Các huyện, thị xã, thành phố	26
Huyện đảo	28

9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 như sau:

"1. Đối với các trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, phân bổ theo tiêu chí số trường học và số lớp học, cụ thể:

a) Phân bổ theo tiêu chí trường học:

Đơn vị: Triệu đồng/trường/năm.

Huyện, thị xã, thành phố	Định mức phân bổ theo cấp học		
	Mầm non	Tiểu học	THCS
Các huyện, thị xã, thành phố	87	125	162
Huyện đảo	175	250	325

b) Phân bổ theo tiêu chí số lớp học: Các huyện, thị xã, thành phố phân bổ theo định mức 10 triệu đồng/lớp/năm. Huyện đảo phân bổ theo định mức 15 triệu đồng/lớp/năm.

c) Đối với trường có dưới 10 lớp, sau khi phân bổ theo tiêu chí tại điểm a và b khoản 1 Điều này được bố trí đảm bảo không thấp hơn 187 triệu đồng/trường/năm (đối với trường mầm non), 225 triệu đồng/trường/năm (đối với trường tiểu học) và 262 triệu đồng/trường/năm (đối với trường trung học cơ sở).

d) Đối với các Trường có sắp xếp lại và thành lập trường mới có nhiều cấp học:

Trường hợp sắp xếp, sáp nhập 02 hoặc nhiều trường cùng cấp học thì trường (tại cơ sở chính) tính 100% định mức, các trường còn lại (trước sáp nhập) tính bằng 95% định mức.

Trường hợp sắp xếp, sáp nhập khác cấp học thì trường có cấp học cao nhất tính 100% định mức, các trường có cấp học thấp hơn (trước sáp nhập) tính bằng 95% định mức của cấp đó.

đ) Đối với những trường cách xa trung tâm huyện lỵ (khoảng cách từ trường đến trung tâm huyện lỵ trên 15km): Bố trí thêm 20 triệu đồng/trường/năm.

e) Đối với trường ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Bố trí thêm 25 triệu đồng/trường/năm.

g) Đối với trường có nhiều điểm trường lẻ: Bố trí thêm 20 triệu đồng/điểm trường lẻ/năm.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

"2. Đối với Trường Phổ thông Dân tộc nội trú: 348 triệu đồng/năm.".

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 11 như sau:

"3. Kinh phí tổ chức các hoạt động chung của ngành Giáo dục: Phân bổ theo định mức 1.240 triệu đồng/huyện, thị xã, thành phố/năm.".

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12 như sau:

"1. Đối với kinh phí chi hoạt động, phân bổ theo tiêu chí người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập:

Đơn vị: Triệu đồng/biên chế/năm.

Huyện, thị xã, thành phố	**Định mức phân bổ**
Các huyện, thị xã, thành phố	26
Huyện đảo	28

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 như sau:

"1. Đối với kinh phí chi hoạt động, phân bổ theo tiêu chí người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập:

Đơn vị: Triệu đồng/biên chế/năm.

Huyện, thị xã, thành phố	Định mức phân bổ
Các huyện, thị xã, thành phố	26
Huyện đảo	28

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14 như sau:

"1. Đối với kinh phí chi hoạt động, phân bổ theo tiêu chí người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập:

Đơn vị: Triệu đồng/biên chế/năm.

Huyện, thị xã, thành phố	Định mức phân bổ
Các huyện, thị xã, thành phố	26
Huyện đảo	28

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 như sau:

"1. Đối với kinh phí chi hoạt động, phân bổ theo tiêu chí người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập:

Đơn vị: Triệu đồng/biên chế/năm.

Huyện, thị xã, thành phố	Định mức phân bổ
Các huyện, thị xã, thành phố	26
Huyện đảo	28

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 như sau:

"1. Định mức phân bổ chi hoạt động, phân bổ theo các tiêu chí sau:

a) Đối với ngân sách cấp huyện, phân bổ theo tiêu chí biên chế cán bộ, công chức cấp huyện:

Đơn vị: Triệu đồng/biên chế/năm.

Huyện, thị xã, thành phố	Định mức phân bổ
Các huyện, thị xã, thành phố	36
Huyện đảo	41

b) Đối với ngân sách các xã, phường, thị trấn, phân bổ theo tiêu chí số lượng cán bộ, công chức cấp xã với định mức 21 triệu đồng/biên chế/năm.".

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khoá XI, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2023, có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 12 năm 2023, áp dụng thực hiện cho giai đoạn 2024 - 2025 và thay thế Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban công tác Đại biểu - UBTV Quốc hội;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: ĐĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT. (CTHĐ.08) Nhân

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Nguyễn Hoài Anh